

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

Tổ Lịch sử

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC-KHỐI 10

- Học sinh tự học tại nhà lưu ý những điểm sau; Chủ đề 1 được tích hợp từ các bài 1,2,13; chủ đề 2 tích hợp bài 3,4; chủ đề 4 được tích hợp từ bài 6,7 trong sgk.
- Học sinh đọc tài liệu sgk và tài liệu đính kèm để trả lời các câu hỏi trong các phần I,II,III nhằm hình thành kiến thức của bài học.
- Lưu ý kiến thức của bài học ở 4 mức độ (biết,hiểu,vận dụng, vận dụng cao), học sinh cần đạt kiến thức tối thiểu của phần nhận biết và thông hiểu.
- Tại phiếu giải đáp các thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. Học sinh sẽ thực hiện theo hướng dẫn sau:

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 1...A...

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	Phần I: Sự xuất hiện loài người và bầy người nguyên thủy.	1. Phương pháp duy vật là gì? 2. Vì sao, hoạt động săn bắt hái lượm là hoạt động KT chính...
	Phần II:	1.

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp:	Chủ đề 1: SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI NGUYÊN THỦY TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM/ LỚP 10
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I.SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ BẦY NGƯỜI NGUYÊN THỦY 1. Sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thủy -Loài người xuất hiện như thế nào? Dựa vào câu chuyện Lạc Long Quân và Âu Cơ, em hay cho biết ý nghĩa của câu chuyện trên muốn nói đến là gì? -Dựa vào phương pháp duy vật biện chứng, con người xuất hiện như thế nào? Căn cứ vào cơ sở nào? -Thời gian tìm được dấu tích người tối cổ? Địa điểm? Tiến hóa trong cấu tạo

	cơ thể? - Trình bày đời sống vật chất và quan hệ xã hội của Người tối cổ. Nhận biết: - Nêu được nguồn gốc loài người và quá trình chuyển biến từ Vượn thành Người tối cổ, Người tinh khôn. - Biết được về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy. Thông hiểu: - Hiểu được lao động tạo ra con người và xã hội loài người. 2. Người tinh khôn và óc sáng tạo - Thời đại Người tinh khôn bắt đầu xuất hiện vào thời gian nào? Bước hoàn thiện về hình dáng và cấu tạo cơ thể được biểu hiện như thế nào? - Sự sáng tạo của Người tinh khôn trong việc chế tạo công cụ lao động bằng đá được thể hiện thế nào? - Trình bày những tiến bộ khác trong cuộc sống lao động và vật chất. 3. Cuộc cách mạng thời đá mới - Đá mới là công cụ đá có điểm khác như thế nào so với công cụ đá cũ? - Sang thời đại đá mới cuộc sống vật chất của con người có biến đổi như thế nào? II. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY 1. Thị tộc và bộ lạc -: Thế nào là thị tộc? Mối quan hệ trong thị tộc? - Thế nào là bộ lạc? Nêu điểm giống và điểm khác giữa bộ lạc và thị tộc? Nhận biết: - Biết được về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy. 2. Buổi đầu của thời đại kim khí - Cho biết khoảng thời gian con người tìm thấy kim loại. - Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại có ý nghĩa như thế nào đối với sản xuất? - Hệ quả của việc sử dụng công cụ bằng kim loại? 3. Sự xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp - Sự xuất hiện của tư hữu đã tác động đến xã hội nguyên thủy như thế nào? Vận dụng: - Phân tích được quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy và hiểu nguyên nhân của quá trình đó. III. VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY 1. Những dấu tích người tối cổ ở Việt Nam
--	--

	- Ở nước ta, dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở đâu? Vào thời gian nào? - Em có nhận xét gì về địa bàn sinh sống của Người tối cổ Việt Nam? - Người tối cổ ở Việt Nam sinh sống như thế nào? Nhận biết - <i>Biết được cách ngày nay khoảng 30 - 40 vạn năm, Người tối cổ đã sống trên đất nước ta (Lạng Sơn, Thanh Hoá); sau đó Người tinh khôn (Sơn Vi, Phú Thọ).</i> 2. Sự hình thành và phát triển của Công xã thị tộc - Khi Người tinh khôn xuất hiện, công xã thị tộc hình thành, vậy theo em công xã thị tộc là gì? - Chủ nhận văn hoá Ngườm, Sơn Vi cư trú ở những địa bàn nào? Họ sinh sống ra sao? - Những tiến bộ trong cuộc sống của Người Sơn Vi so với Người tối cổ? - Trình bày sự tiến bộ về tổ chức xã hội của cư dân Hoà Bình, Bắc Sơn?. Tiến bộ trong cách chế tạo công cụ?. Tiến bộ trong phương thức kiếm sống? Nhận biết - Biết được sự hình thành của công xã thị tộc (văn hoá Sơn Vi) và sự phát triển của công xã thị tộc (văn hoá Hoà Bình - “cuộc cách mạng đá mới”). 3. Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước - Trình bày địa bàn cư trú, công cụ lao động, hoạt động kinh tế của cư dân Phùng Nguyên? cư dân Sa Huỳnh? cư dân Đồng Nai? Sự ra đời của thuật luyện kim có ý nghĩa gì với các bộ lạc trên đất nước ta? Nhận biết - Liệt kê được sự ra đời của các công cụ lao động bằng kim loại. - Biết được ở Việt Nam, kĩ thuật luyện kim đã ra đời từ nền văn hóa Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai. Thông hiểu: - Hiểu được vai trò của công cụ lao động bằng kim loại và sự tiến bộ của sản xuất, quan hệ xã hội. - Hiểu được ý nghĩa ra đời của thuật luyện kim và biết được những đặc điểm chính về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1. Nhận biết Câu 1: Trình bày những tiến bộ về kĩ thuật khi Người tinh khôn xuất hiện? Câu 2: Trình bày hệ quả của việc xuất hiện công cụ kim khí.

	2. Thông hiểu		
	Câu 1: Hoàn thành bảng so sánh sau đây		
	Nội dung	Thời kì đá cũ	Thời kì đá mới
	Thời gian		
	Chủ nhân		
	Kĩ thuật chế tạo công cụ đá		
	Câu 2: Phân tích cơ sở dẫn đến sự tan rã của xã hội nguyên thủy, sự xuất hiện xã hội có giai cấp nhà nước? Câu 3: Chứng minh tác động của lao động đến quá trình chuyển biến từ vượn thành người.		

ĐỀ CƯƠNG HỌC TẬP

Chủ đề 1: SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI và TỔ CHỨC XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

1. Sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thủy

a/ Khái niệm vượn cổ

- + *Nguồn gốc của loài người* : do quá trình tiến hoá của sinh giới.
- + *Thời gian tồn tại* : khoảng 6 đến 15 triệu năm trước
- + *Đặc điểm* : đứng và đi bằng 2 chân, 2 chi trước có thể cầm, nắm ; ăn hoa quả, củ và cả động vật nhỏ.
- + *Địa điểm tìm thấy hoá thạch*: Đông Phi, Tây Á, Đông Nam Á

b/ Người tối cổ

- + *Thời gian tồn tại* : từ khoảng 4 triệu đến 4 vạn năm trước.
- + *Đặc điểm*: đã là người, hoàn toàn đi đứng bằng 2 chân, đôi tay đã trở nên khéo léo, thể tích sọ não lớn và hình thành trung tâm phát tiếng nói trong não... tuy nhiên dáng đi còn lom khom, trán thấp và bợt ra sau, u mày cao...
- + Biết chế tạo công cụ và phát minh ra lửa.
- + *Nơi tìm thấy di cốt* : Đông Phi, Đông Nam Á, Trung Quốc, châu Âu...

2. Người tinh khôn và óc sáng tạo

- + Thời gian xuất hiện : 4 vạn năm trước.
- + Đặc điểm : có cấu tạo cơ thể như người ngày nay, thể tích não lớn (1400 cm³), tư duy phát triển, xuất hiện màu da.
- + Nơi tìm thấy di cốt : ở khắp các châu lục.
- **Động lực của quá trình chuyển biến từ vượn thành người :**
- + Do vai trò của quy luật tiến hoá.
- + Vai trò của lao động đã tạo ra con người và xã hội loài người.

3. Cuộc cách mạng thời đá mới:

a/ Thời kì bầy người nguyên thủy:

- **Đời sống vật chất**
 - + Biết sử dụng đá ghè, đẽo thô sơ làm công cụ ; sống chủ yếu nhờ săn bắt, hái lượm.
 - + Sống trong các hang động, mái đá ; biết làm ra lửa để sưởi và nướng chín thức ăn.
- **Đời sống tinh thần:** đã có ngôn ngữ và mầm mống của tôn giáo, nghệ thuật nguyên thủy.
- **Tổ chức xã hội:** sống thành từng bầy gồm 5 – 7 gia đình, không ổn định.

b/ Công xã thị tộc mẫu hệ:

- Hình thái kinh tế - xã hội đầu tiên trong lịch sử loài người.
- **Đời sống vật chất:**
 - + Sử dụng công cụ bằng đá mài, xương và sừng.
 - + Kinh tế chủ yếu nhờ trồng trọt và chăn nuôi nguyên thủy kết hợp với săn bắn, hái lượm.
 - + Biết làm đồ gốm, dệt vải, đan lưới đánh cá, làm nhà ở.
- **Đời sống tinh thần:**
 - + Ngôn ngữ, tôn giáo và nghệ thuật nguyên thủy phát triển.
 - + Biết làm trang sức, quần áo , sống “văn minh” hơn.
- **Tổ chức xã hội:** thị tộc và bộ lạc; quan hệ huyết thống, cùng làm chung, hưởng chung.

4. Thị tộc - bộ lạc

a/ Thị tộc

- **Thị tộc** là nhóm hơn 10 gia đình và có chung dòng máu.
- **Quan hệ trong thị tộc** công bằng, bình đẳng, cùng làm, cùng hưởng. Lốp trẻ tôn kính cha mẹ, ông bà và cha mẹ đều yêu thương chăm sóc tất cả con cháu của thị tộc.

b/ Bộ lạc

- **Bộ lạc** là tập hợp một số thị tộc sống cạnh nhau và có cùng một nguồn gốc tổ tiên.
- Quan hệ giữa các thị tộc trong bộ lạc là gắn bó giúp đỡ nhau.

5. Buổi đầu của thời đại kim khí:

- Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại:
 - + Sự phát triển từ công cụ đồ đá sang công cụ bằng kim loại.

+ Khoảng 5500 năm trước, phát hiện đồng đỏ. Nơi phát hiện sớm nhất là Tây Á và Ai Cập.

+ Khoảng 4000 năm trước, phát hiện đồng thau ở nhiều nơi (trong đó có Việt Nam).

+ Khoảng 3000 năm trước, con người đã biết sử dụng đồ sắt.

- Hệ quả của việc sử dụng công cụ bằng kim loại :

+ *Tính vượt trội* của nguyên liệu đồng và sắt so với đá, xương và sừng.

+ *Sự tiến bộ của kỹ thuật chế tác công cụ*: kỹ thuật luyện kim, đúc đồng và sắt; loại hình công cụ mới : lưỡi cuốc, lưỡi cày bằng sắt

+ *Sản xuất phát triển*: nông nghiệp dùng cày, mở rộng diện tích trồng trọt, năng suất lao động tăng, làm xuất hiện một lượng sản phẩm thừa thường xuyên.

+ *Quan hệ xã hội*: chế độ phụ hệ thay cho chế độ mẫu hệ.

6. Sự xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp

- Một số người lợi dụng chức phận chiếm của cải dư thừa.

- Trong mỗi gia đình phụ hệ xuất hiện sự bất bình đẳng và sự đối kháng giữa đàn ông và đàn bà.

- Do sự phát triển của sức sản xuất, làm xuất hiện của cải dư thừa thường xuyên.

- Quá trình chiếm hữu của cải dư thừa và khả năng lao động của mỗi gia đình khác nhau làm xuất hiện kẻ giàu – người nghèo. Xã hội nguyên thủy chuyển dần sang xã hội có giai cấp.